TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN TÂN PHÚ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số:1095/2022/HNGĐ-ST
Ngày 27 – 9 – 2022
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Anh Tuấn.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Trần Quang Cảnh
2. Ông Nguyễn Đình Thức

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Lê Trung Tiến, Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Phú.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Mai Hảo – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2022 và ngày 27 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 493/2022/HNST ngày 04/5/2022 về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 658/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/8/2022 và Quyết định hoãn phiên toà số 760/2022/QĐST-HNGĐ ngày 12/9/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Bùi Văn H, sinh năm 1977 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).
Địa chỉ: 182/18 đường 26/3, phường BHH, quận BT, Thành phố HCM;

Bị đơn: Bà Mai Thanh T, sinh năm 1979 (vắng mặt).
Địa chỉ: 229/80 TT, phường TT, quận TP, Thành phố HCM;

NHẬN THẤY:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Bùi Văn H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Bùi Văn H và bà Mai Thanh T tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đại Hòa Lộc, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre theo Giấy chứng nhận kết hôn số 51/2011, ngày 01/8/2011.

Sau thời chung sống hạnh phúc, năm 2017 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, bà T chơi bài bạc, lô đề. Ông nhiều lần khuyên ngăn nhưng không kết quả. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt nên ông H yêu cầu ly hôn với bà T để ổn định cuộc sống.

Về con chung: có 02 con chung tên Bùi Minh H, sinh ngày: 22/3/2002 và Bùi Minh T, sinh ngày 30/8/2011. Khi ly hôn ông H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Bùi Minh T, sinh ngày 30/8/2011, không yêu cầu cấp dưỡng. Con chung Bùi Minh H, sinh ngày: 22/3/2002 đã trưởng thành và phát triển bình thường nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: ông H xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết.

Tòa án không tiến hành hòa giải được do bị đơn bà Mai Thanh T đều vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Bị đơn bà Mai Thanh T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý, giấy triệu tập tham gia phiên họp và hòa giải, tham gia phiên tòa xét xử nhưng bà T đều vắng mặt, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn ông Bùi Văn H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;

Bị đơn bà Mai Thanh T vắng mặt không lý do và không vì sự kiện bất khả kháng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử như sau:

Về tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 trong quá trình giải quyết vụ án về thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định đúng quan hệ tranh chấp, xác định tư cách pháp lý, và mối quan hệ của những người tham gia tố tụng cũng như thời hạn gửi các văn bản tố tụng, hồ sơ Viện kiểm sát nghiên cứu.

- Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Về chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại tại các buổi làm việc của Tòa án là tự nguyện từ chối quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là phù hợp quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: ông Bùi Văn H được ly hôn bà Mai Thanh T.

- Về con chung: ông H khai có 02 con chung tên Bùi Minh H, sinh ngày: 22/3/2002 và Bùi Minh T, sinh ngày 30/8/2011. Khi ly hôn ông H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Bùi Minh T, sinh ngày 30/8/2011, không yêu cầu cấp dưỡng. Con chung Bùi Minh H, sinh ngày: 22/3/2002 đã trưởng thành và phát triển bình thường nên ông không yêu cầu giải quyết. Viện kiểm sát nhận thấy, trẻ T đang sống với ông H và cũng có nguyện vọng ở chung với ba, con chung Bùi Minh H, sinh ngày: 22/3/2002 đã trưởng thành và phát triển bình thường, ông H không yêu cầu giải quyết. Để ổn định tâm lý, cuộc sống của trẻ T nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu về con chung của ông H.

- Về tài sản chung và nợ chung: ông H khai không có nên Viện kiểm sát không xem xét giải quyết.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Yêu cầu xin ly hôn của ông Bùi Văn H đối với bà Mai Thanh T là quan hệ tranh chấp về hôn nhân gia đình. Căn cứ kết quả xác minh của cơ quan công an phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xác minh: bà Mai Thanh T, sinh năm 1979 có tạm trú tại địa chỉ 229/80 TT, phường TT, quận TP, Thành phố HCM nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm của Toà án nhân dân quận Tân Phú, quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Ông Bùi Văn H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Bà Mai Thanh T đã được Tòa án tống đạt triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do và không vì sự kiện bất khả kháng; Căn cứ khoản 1, 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về nội dung: Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 51/2011, ngày 01/8/2011 của Ủy ban nhân dân xã Đại Hòa Lộc, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre thể hiện, hôn nhân giữa bà Mai Thanh T và ông Bùi Văn H là quan hệ hôn nhân hợp pháp nên phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] Về yêu cầu xin ly hôn của ông Bùi Văn H, Hội đồng xét xử xét thấy: trong thời gian chung sống vợ chồng không hạnh phúc, giữa hai bên bất đồng quan điểm sống, đã cố gắng để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Nay ông Bùi Văn H muốn ly hôn để ổn định cuộc sống. Qua lời khai của ông H cho biết: do mâu thuẫn vợ chồng nên ông và bà T không thể tiếp tục cuộc hôn nhân. Hội đồng xét xử nhận thấy, yêu cầu của ông H là phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Vì thực tế tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được thì không nhất thiết phải kéo dài cuộc sống vợ chồng; Tòa án triệu tập bà Mai Thanh T đến Tòa để ghi lời khai, tham dự phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, tham dự phiên tòa nhưng bà T vẫn không có mặt, thể hiện bà T không quan tâm đến kết quả xin ly hôn của ông H tại Tòa và không thể hiện ý chí mong muốn cải thiện tình cảm vợ chồng để hàn gắn xây dựng hạnh phúc gia đình. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Bùi Văn H đối với bà Mai Thanh T.

- Về quan hệ con chung: bà Tâm và ông H có 02 con chung tên Bùi Minh H, sinh ngày: 22/3/2002 và Bùi Minh T, sinh ngày 30/8/2011. Ông H yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ Bùi Minh T, sinh ngày 30/8/2011 không yêu cầu cấp dưỡng. Con chung Bùi Minh H, sinh ngày: 22/3/2002 đã trưởng thành và phát triển bình thường nên ông không yêu cầu giải quyết. Mặt khác, bà T không đến Tòa và cũng không có văn bản trình bày ý kiến về vấn đề nuôi con chung. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 81, khoản 2 Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giao con chung tên Bùi Minh T, sinh ngày 30/8/2011 cho ông Bùi Văn H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trẻ đủ 18 tuổi, trẻ đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có

khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Tạm hoãn yêu cầu cấp dưỡng nuôi con cho bà Mai Thanh T do ông H không có yêu cầu.

- Tài sản chung và nợ chung: ông Bùi Văn H khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000 (ba trăm ngàn) đồng do nguyên đơn ông Bùi Văn H phải nộp không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, a khoản 1 Điều 39,Điều 264, 266, 267, 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 19, Điều 56, Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự năm 2014;

- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn H.

- Về quan hệ hôn nhân: ông Bùi Văn H được ly hôn với bà Mai Thanh T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 51/2011, ngày 01/8/2011 của Ủy ban nhân dân xã Đại Hòa Lộc, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre cấp, không còn giá trị pháp luật kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Ông Bùi Văn H được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Bùi Minh T, sinh ngày 30/8/2011 cho đến khi trẻ đủ 18 tuổi, trẻ đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình nuôi. Con chung Bùi Minh H, sinh ngày: 22/3/2002 đã trưởng thành và phát triển bình thường nên Toà án không đề cập giải quyết.

Ông H có quyền yêu cầu bà T cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Bà T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Ông H cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở bà T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Trường hợp bà T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì ông H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom.

Trong trường hợp ông H không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì trên cơ sở lợi ích của con chung, bà T hoặc người thân thích, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về phương thức cấp dưỡng: Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho bà Mai Thanh T do ông Bùi Văn H không yêu cầu.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết;

4. Về tài sản chung và nghĩa vụ dân sự: ông Bùi Văn H xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Ông Bùi Văn H phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí sơ thẩm nhưng được cấn trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng đã nộp, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0062954 ngày 19/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú. Ông H đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

6. Quyền kháng cáo: nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án của Tòa án cấp sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết theo quy định pháp luật; Viện trưởng Viện kiểm sát cùng cấp và cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị bản án sơ thẩm theo quy định tại Điều 278 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Trường hợp bản án, quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP. HCM;
- VKSND quận Tân Phú;
- Chi cục THADS quận Tân Phú;
- UBND xã Đại Hòa Lộc, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Trep (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Anh Tuấn